

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 76/2010/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2010

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/06/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/06/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ (tại Công văn số 636/BKHCN-KHTC ngày 30/3/2010), Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử như sau:

Điều 1. Quy định chung

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài khi đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ, giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử, chứng chỉ nhân viên bức xạ và chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử (sau đây gọi tắt là cấp giấy phép, giấy đăng ký và chứng chỉ) phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí, lệ phí cấp giấy phép, giấy đăng ký và chứng chỉ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, giấy đăng ký và chứng chỉ theo quy định tại Luật Năng lượng nguyên tử (dưới đây gọi tắt là cơ quan thu phí, lệ phí) có nhiệm vụ tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thu được theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Thu, nộp phí, lệ phí

1. Đối tượng nộp phí, lệ phí phải nộp toàn bộ số tiền phí, lệ phí theo mức thu quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này ngay khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, giấy đăng ký và chứng chỉ.

2. Cơ quan thu phí, lệ phí phải cấp biên lai thu phí, lệ phí cho đối tượng nộp phí, lệ phí.

3. Phí, lệ phí quy định tại Thông tư này được thu bằng đồng Việt Nam.

4. Cơ quan thu phí, lệ phí được mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc nhà nước nơi thu, nộp để theo dõi, quản lý tiền phí, lệ phí thu được.

Điều 3. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí

Phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

1. Cơ quan thu phí, lệ phí được trích 85% (tám mươi lăm phần trăm) số tiền phí thu được trước khi nộp ngân sách nhà nước để trang trải các chi phí cho việc thực hiện công việc thẩm định và thu phí theo những nội dung, công việc dưới đây trong trường hợp những nội dung, công việc này chưa được ngân sách nhà nước đảm bảo, cụ thể như sau:

- Chi trả các khoản tiền lương, tiền công, tiền thù lao, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và công đoàn phí) cho người lao động trực tiếp thực hiện công việc có liên quan, trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định;

- Chi mua sắm, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng tài sản, máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc và khấu hao tài sản cố định để thực hiện thẩm định, cấp giấy phép, giấy đăng ký, chứng chỉ và thu phí, lệ phí. Các khoản mua sắm tài sản, máy móc thiết bị, phương tiện làm việc được lấy từ nguồn khấu hao tài sản cố định;

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu như văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, xăng xe, công tác phí và các khoản chi khác như in ấn, mua các mẫu đơn, giấy phép, giấy đăng ký, hóa đơn và các ấn phẩm khác;

- Chi phí thuê văn phòng làm việc, thuê khoán chuyên môn, thuê dịch vụ tra cứu, cung cấp thông tin, thuê dịch thuật, thuê thẩm định;

- Chi phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo trong nước và ngoài nước về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan; chi phí tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các quy định về cấp giấy phép, giấy đăng ký và chứng chỉ; chi phí thực hiện đề tài, đề án nhằm hoàn thiện quy trình, thủ tục cấp giấy phép, giấy đăng ký và chứng chỉ;

- Chi phí cho việc giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến cấp giấy phép, giấy đăng ký và chứng chỉ;

- Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thực hiện thẩm định, cấp giấy phép, giấy đăng ký, chứng chỉ và thu phí, lệ phí trong cơ quan theo nguyên tắc bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và tối đa bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước sau khi đảm bảo các chi phí theo quy định tại điểm này.

Hàng năm, cơ quan thu phí, lệ phí phải quyết toán thu chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí, lệ phí được trích để lại trong năm nếu chưa chi hết thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi tiêu theo chế độ quy định.

2. Cơ quan thu phí, lệ phí có trách nhiệm nộp 100% (một trăm phần trăm) tiền lệ phí và 15% (mười lăm phần trăm) tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước theo chương, loại, khoản, mục tương ứng của Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

Thông tư này thay thế Quyết định số 38/2006/QĐ-BTC ngày 24/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực an toàn và kiểm soát bức xạ.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Quản lý thuế.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết. / *km*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- VP Ban CH TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát an toàn bức xạ hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (CST5)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP, GIẤY ĐĂNG KÝ VÀ CHUNG CHI TRONG LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ



*(Ban hành kèm theo Thông tư số 76/2010/TT-BTC
ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính)*

I. PHÍ THẨM ĐỊNH AN TOÀN BỨC XẠ

TT	Nội dung công việc thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Thẩm định cấp giấy phép vận hành thiết bị chiếu xạ		
1.1	Thiết bị chiếu xạ khử trùng, xử lý vật liệu:		
1.1.1	Máy gia tốc	1 máy	30.000.000
1.1.2	Thiết bị dùng nguồn phóng xạ	1 thiết bị	35.000.000
1.2	Thiết bị xạ trị:		
1.2.1	Thiết bị xạ trị nông	1 thiết bị	3.000.000
1.2.2	Thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao	1 thiết bị	10.000.000
1.2.3	Thiết bị xạ trị từ xa dùng nguồn phóng xạ	1 thiết bị	12.000.000
1.2.4	Máy gia tốc	1 máy	15.000.000
1.3	Máy gia tốc sử dụng trong sản xuất chất phóng xạ và máy gia tốc khác.	1 máy	15.000.000
2	Thẩm định cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ khác		
2.1	Thiết bị bức xạ sử dụng trong y tế:		
2.1.1	Thiết bị X-quang chụp răng	1 thiết bị	1.500.000
2.1.2	Thiết bị X-quang chụp vú	1 thiết bị	1.500.000
2.1.3	Thiết bị X-quang di động	1 thiết bị	1.500.000
2.1.4	Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường	1 thiết bị	2.000.000
2.1.5	Thiết bị đo mật độ xương		2.000.000
2.1.6	Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình	1 thiết bị	4.000.000
2.1.7	Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner)	1 thiết bị	6.000.000
2.1.8	Hệ thiết bị PET/CT	1 thiết bị	12.000.000
2.2	Thiết bị bức xạ sử dụng trong công nghiệp, nghiên cứu đào tạo và lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật khác:		

TT	Nội dung công việc thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
2.2.1	Thiết bị đo hạt nhân	1 thiết bị	3.000.000
2.2.2	Thiết bị phân tích huỳnh quang tia X	1 thiết bị	3.000.000
2.2.3	Thiết bị đo sắc ký khí	1 thiết bị	3.000.000
2.2.4	Thiết bị khử tĩnh điện	1 thiết bị	3.000.000
2.2.5	Thiết bị phát tia X dùng trong soi kiểm tra bo mạch	1 thiết bị	3.000.000
2.2.6	Thiết bị phát tia X dùng trong kiểm tra an ninh	1 thiết bị	3.000.000
2.2.7	Phổ kế Mossbauer	1 thiết bị	3.000.000
2.2.8	Thiết bị phát tia X chụp ảnh bức xạ công nghiệp	1 thiết bị	4.000.000
2.2.9	Thiết bị đo địa vật lý giếng khoan và thăm dò địa chất	1 thiết bị	5.000.000
2.2.10	Thiết bị chụp ảnh bức xạ công nghiệp chứa nguồn gamma	1 thiết bị	6.000.000
2.2.11	Thiết bị gamma chiếu xạ tự che chắn (gamma cell)	1 thiết bị	10.000.000
2.2.12	Thiết bị tạo trường gamma (gamma field)	1 thiết bị	40.000.000
3	Thẩm định cấp giấy phép sản xuất chất phóng xạ	1 cơ sở	50.000.000
4	Thẩm định cấp giấy phép chế biến chất phóng xạ	1 cơ sở	20.000.000
5	Thẩm định cấp giấy phép lưu giữ chất phóng xạ		
5.1	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 1	1 nguồn	1.000.000
5.2	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 2	1 nguồn	2.000.000
5.3	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 3	1 nguồn	3.000.000
6	Thẩm định cấp giấy phép sử dụng chất phóng xạ		
6.1	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 1	1 nguồn	2.000.000
6.2	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 2	1 nguồn	4.000.000
6.3	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 3	1 nguồn	5.000.000

TT	Nội dung công việc thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
7	Thẩm định để cấp giấy phép thăm dò, khai thác, chế biến quặng phóng xạ	1 cơ sở	50.000.000
8	Thẩm định cấp giấy phép xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ	1 cơ sở	50.000.000
9	Thẩm định cấp giấy phép xử lý, lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng		
9.1	Nguồn phóng xạ đã qua sử dụng thuộc nhóm 1 với số lượng nhỏ hơn 10 nguồn	1 nguồn	500.000
9.2	Nguồn phóng xạ đã qua sử dụng thuộc nhóm 2 với số lượng nhỏ hơn 10 nguồn	1 nguồn	1.000.000
9.3	Nguồn phóng xạ đã qua sử dụng với số lượng lớn hơn hoặc bằng 10 nguồn hoặc nguồn thuộc nhóm 3	1 địa điểm	15.000.000
10	Thẩm định để cấp giấy phép xây dựng cơ sở bức xạ		
10.1	Cơ sở sản xuất, chế biến chất phóng xạ	1 cơ sở	20.000.000
10.2	Cơ sở xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ có hoạt độ lớn hơn 10.000 lần mức miễn trừ	1 cơ sở	20.000.000
10.3	Kho lưu giữ chất thải phóng xạ quốc gia	1 cơ sở	30.000.000
10.4	Các cơ sở bức xạ khác	1 cơ sở	10.000.000
11	Thẩm định để cấp giấy phép thay đổi quy mô, phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ		
11.1	Cơ sở sản xuất, chế biến chất phóng xạ	1 cơ sở	20.000.000
11.2	Cơ sở xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ có hoạt độ lớn hơn 10.000 lần mức miễn trừ	1 cơ sở	20.000.000
11.3	Kho lưu giữ chất thải phóng xạ quốc gia	1 cơ sở	30.000.000
11.4	Các cơ sở bức xạ khác	1 cơ sở	10.000.000

TT	Nội dung công việc thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
12	Thẩm định để cấp giấy phép chấm dứt hoạt động cơ sở bức xạ		
12.1	Cơ sở vận hành máy gia tốc	1 cơ sở	5.000.000
12.2	Cơ sở xạ trị sử dụng thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao và thiết bị xạ trị từ xa dùng nguồn phóng xạ	1 cơ sở	20.000.000
12.3	Cơ sở chiếu xạ khử trùng, chiếu xạ xử lý vật liệu sử dụng nguồn phóng xạ	1 cơ sở	20.000.000
12.4	Cơ sở xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ có hoạt độ lớn hơn 10.000 lần mức miễn trừ	1 cơ sở	20.000.000
12.5	Cơ sở sản xuất, chế biến chất phóng xạ	1 cơ sở	30.000.000
12.6	Kho lưu giữ chất thải phóng xạ quốc gia	1 cơ sở	50.000.000
13	Thẩm định để cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu chất phóng xạ		
13.1	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 1	1 nguồn	500.000
13.2	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 2	1 nguồn	1.000.000
13.3	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 3	1 nguồn hoặc 1 lô nguồn để sử dụng trong 1 thiết bị	5.000.000
14	Thẩm định để cấp giấy phép đóng gói, vận chuyển vật liệu phóng xạ		
14.1	Chất phóng xạ:		
14.1.1	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 1	1 kiện hàng	500.000
14.1.2	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 2	1 kiện hàng	1.000.000
14.1.3	Nguồn phóng xạ thuộc nhóm 3	1 kiện hàng	5.000.000
14.2	Chất thải phóng xạ	1 chuyến hàng	3.000.000
14.3	Vật liệu hạt nhân nguồn	1 chuyến hàng	3.000.000
14.4	Vật liệu hạt nhân	1 chuyến hàng	5.000.000
15	Thẩm định để cấp giấy phép vận chuyển vật liệu phóng xạ quá cảnh lãnh thổ Việt Nam		
15.1	Chất phóng xạ	1 chuyến hàng	20.000.000

TT	Nội dung công việc thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
15.2	Vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn	1 chuyển hàng	50.000.000
16	Thẩm định để cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	1 dịch vụ	5.000.000

Ghi chú:

1. Nhóm 1 bao gồm các nguồn phóng xạ và thiết bị bức xạ (gọi chung là chất phóng xạ) có mức độ nguy hiểm phóng xạ thấp

- a) Nguồn phóng xạ dùng trong xạ trị áp sát suất liều thấp;
- b) Nguồn phóng xạ dùng trong thiết bị đo sắc ký khí;
- c) Nguồn phóng xạ dùng trong kiểm tra máy PET;
- d) Nguồn phóng xạ dùng trong phổ kế Mossbauer;
- đ) Nguồn phóng xạ dùng trong thiết bị đo mật độ xương;
- e) Nguồn phóng xạ dùng trong thiết bị khử tĩnh điện;
- g) Nguồn phóng xạ dùng trong chuẩn thiết bị;

h) Các nguồn phóng xạ kín khác có hoạt độ nhỏ hơn hoặc bằng 400 MBq không được nêu trong phụ lục này.

2. Nhóm 2 bao gồm các chất phóng xạ có mức độ nguy hiểm phóng xạ trung bình

- a) Nguồn phóng xạ dùng trong thiết bị chụp ảnh bức xạ công nghiệp;
- b) Nguồn phóng xạ dùng trong thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao/trung bình;
- c) Nguồn phóng xạ dùng trong thiết bị đo hạt nhân;
- d) Nguồn phóng xạ dùng để khởi động lò phản ứng nghiên cứu;
- đ) Nguồn phóng xạ dùng trong thiết bị đo địa vật lý giếng khoan và thăm dò địa chất;
- e) Nguồn phóng xạ Tritium (^3H) dùng trong máy phát neutron;
- g) Nguồn phóng xạ dùng trong thiết bị phân tích huỳnh quang tia X;
- h) Nguồn phóng xạ beryll;

i) Các nguồn phóng xạ kín khác có hoạt độ lớn hơn 400 MBq và nhỏ hơn hoặc bằng 4TBq không được nêu trong phụ lục này.

3. Nhóm 3 bao gồm các chất phóng xạ có mức độ nguy hiểm phóng xạ cao

- a) Nguồn phóng xạ dùng trong thiết bị chiếu xạ khử trùng và bảo quản thực phẩm;
- b) Nguồn phóng xạ dùng trong thiết bị chiếu xạ có cơ cấu tự che chắn;
- c) Nguồn phóng xạ dùng trong thiết bị xạ trị từ xa;
- d) Nguồn phóng xạ dùng trong máy phát nhiệt điện;

đ) Nguồn phóng xạ dung trong thiết bị tạo trường gamma;

e) Các nguồn phóng xạ kín khác có hoạt độ lớn hơn 4 TBq không được nêu trong phụ lục này.

4. Trường hợp một cơ sở bức xạ đề nghị cấp giấy phép tiến hành một công việc có nhiều nguồn bức xạ hoặc giấy phép tiến hành đồng thời nhiều công việc bức xạ, thì mức thu phí được tính như sau:

a) Đối với giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng từ 2 đến 3 nguồn bức xạ hoặc giấy phép tiến hành từ 2 đến 3 công việc bức xạ thì áp dụng mức thu bằng 95% mức thu quy định tại biểu trên;

b) Đối với giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng từ 4 đến 5 nguồn bức xạ hoặc giấy phép tiến hành 4 đến 5 công việc bức xạ thì áp dụng mức thu bằng 90% mức thu quy định tại biểu trên;

c) Đối với giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng từ 6 nguồn bức xạ hoặc giấy phép tiến hành 6 công việc bức xạ trở lên thì áp dụng mức thu bằng 85% mức thu quy định tại biểu trên.

Ví dụ: Một cơ sở xin cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ để được phép nhập khẩu 4 chất phóng xạ thuộc nhóm 2 và vận chuyển chất phóng xạ đó trong 18 kiện hàng. Phí thẩm định để cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ sẽ được tính như sau:

$$90\% \times (4 \times 1.000.000 + 18 \times 1.000.000) = 19.800.000 \text{ đồng}$$

5. Trường hợp gia hạn giấy phép thì thu bằng 75% mức thu phí thẩm định an toàn bức xạ cấp giấy phép mới quy định tại Biểu mức thu.

6. Trường hợp sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép không thu phí thẩm định mà chỉ thu lệ phí.

II. LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP, GIẤY ĐĂNG KÝ VÀ CHỨNG CHỈ

TT	Công việc	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ	1 giấy phép	100.000
2	Cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	1 giấy đăng ký	100.000
3	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ	1 chứng chỉ	100.000
4	Cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	1 chứng chỉ	100.000